TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày: 01-02-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Vân T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công B;
2. Ông Vũ Văn H.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị C - Thư ký Toà án nhân dân quận K , thành phố Hải Phòng.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận K , thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 836/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần VN TV(VP B); địa chỉ trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quân Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1984 và ông Ngô Văn P, sinh năm 1984; cùng cư trú tại: số 16A/119 đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền số 29/ 2017/UQ-CT ngày 22/6/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của VP B và Văn bản ủy quyền số 2091/2017/ UQ-VPB ngày 20/9/2017 của ông Lê Hiền T, Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý,Trung tâm thu hồi nợ Khối tín dụng tiêu dùng Ngân hàng VP B); có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Tiến M, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ L, phường Đ, quận K , Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20/9/2017 của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP VN TV,bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/11/2014 anh Vũ Tiến M ký kết Hợp đồng tín dụng số 20141203-200007-0019 với Ngân hàng TMCP VN TV (sau đây viết là Ngân hàng VPB), để vay Ngân hàng VPB số tiền gốc là 18.900.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng tín chấp; thời hạn vay 24 tháng; lãi suất 3,75%/tháng; phương thức cho vay trả góp gốc, lãi hàng tháng 1.209.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng VPB đã giải ngân toàn bộ số tiền cho anh Vũ Tiến M theo đúng thỏa thuận. Anh Vũ Tiến M đã nhận đủ số tiền đã vay theo hợp đồng. Từ thời điểm Ngân hàng VPB giải ngân đến nay, anh Vũ Tiến M đã trả nợ tổng cộng 12.090.000 đồng (trong đó trả nợ gốc là 5.936.880 đồng, tiền lãi 6.153.120 đồng). Kể từ ngày 12/10/2015, anh Vũ Tiến M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng theo thỏa thuận hai bên đã cam kết, không trả nợ cho Ngân hàng VPB. Ngân hàng VPB đã nhiều lần đôn đốc nhưng anh Vũ Tiến M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 04/12/2016, anh Vũ Tiến M còn nợ Ngân hàng VPB tổng số tiền là 16.891.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 12.963.120 đồng, nợ lãi là 3.927.880 đồng.

Nay, Ngân hàng VPB khởi kiện yêu cầu: Anh Vũ Tiến M phải trả cho Ngân hàng VP B toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/12/2016 là 16.891.000 đồng như đã nêu trên; ngoài ra, Ngân hàng VPB không tính khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc của anh Vũ Tiến M kể từ ngày 05/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng anh Vũ Tiến M phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc từ sau tuyên bản án sơ thẩm đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Quan điểm của bị đơn: Anh Vũ Tiến M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai, không có quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng VPB khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K , thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần và tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý

do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ngày 25/11/2014, anh Vũ Tiến M ký kết Hợp đồng tín dụng số 20141203-200007-0019 với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Theo đó, ngân hàng VP Bank đồng ý cho anh Vũ Tiến M vay số tiền gốc là 18.900.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng tín chấp; thời hạn vay 24 tháng; lãi suất 3,75%/tháng.

Xét tính hợp pháp của hợp đồng:

Người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã thực hiện giải ngân cho bị đơn vay số tiền nợ gốc là 18.900.000 đồng. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tổng số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn tính đến thời điểm hiện nay là 12.090.000 đồng (tiền gốc là 5.936.880 đồng, tiền lãi 6.153.120 đồng). Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kế hoạch trả nợ, bảng kê chi tiết gốc lãi theo lịch trình trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết của bị đơn. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ gốc là 12.963.120 đồng cho nguyên đơn.

Về yêu cầu trả nợ lãi: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ . Dư nợ gốc tính lãi phù

hợp với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay xác định: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền nợ lãi tính đến ngày 04/12/2016 là 3.927.880 đồng và không yêu cầu tính lãi trong thời gian từ 05/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu tính lãi kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật, đáng lý bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả song xét thấy yêu cầu không tính lãi trong thời gian từ 05/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn, cần chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số 20141203-200007-0019 ngày 25/11/2014 hai bên đã ký kết tính đến ngày 04/12/2016 là 16.891.000 đồng, trong đó nợ gốc 12.963.120 đồng, nợ lãi là 3.927.880 đồng.

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: "*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

[4] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 16.891.000 đồng x 5% = 845.000 đồng. Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 121; 471; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc: Anh Vũ Tiến M phải trả cho Ngân hàng TMCP VN TV (VPB) tổng số tiền nợ vay của Hợp đồng tín dụng số 20141203-200007-0019 ngày 25/11/2014 hai bên đã ký kết tính đến ngày 04/12/2016 là 16.891.000 (Mười sáu triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn) đồng, trong đó:

- Nợ gốc:12.963.120 đồng;
- Nợ lãi : 3.927.880 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Anh Vũ Tiến M phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 845.000 (Tám trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP VN TV (VPB) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 422.000 (Bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010401 ngày 20/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K , thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP VN TV (VPB) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn là anh Vũ Tiến M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận K ;
- Chi cục THA dân sự quận K ;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vân T